TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/DS-PT
Ngày: 11-7- 2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên

Ông Đặng Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST, ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 93/2023/QĐPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: ông Nguyễn Thành L, sinh 1955. Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Văn bản ủy quyền ngày 07/7/2023 (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Thạch K, sinh năm 1963 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Bà Kim Thị S, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Anh Nguyễn Vũ P, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền của bà Kim Thị S, theo văn bản ủy quyền ngày 27/9/2021 (có mặt).

-*Người kháng cáo*: bà Kim Thị S là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2020 của nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc H trình bày:

Trước đây chị Võ Thị Ngọc H có cho vợ chồng ông Thạch K và bà Kim Thị S vay số tiền nhiều lần, theo bà S trình bày mục đích vay tiền là để trả nợ ngân hàng khi đến hạn, đến ngày 14/11/2019 cộng lại bằng 2.550.000.000 (hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), bà S có viết một biên nhận (không rõ ông K có ký tên không). Đến ngày 21/6/2020, bà S tiếp tục vay thêm 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), bà S có viết và ký tên vào sổ theo dõi. Ngoài ra, bà S có giao 03 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 349, tờ bản đồ số 22, diện tích 92 m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước thửa 58, tờ bản đồ số 54, diện tích 1265,4 m^2, loại đất ở 300 m^2 và đất trồng cây lâu năm 965,4 m^2, địa chỉ ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, do bà Kim Thị S đứng tên quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 772, tờ bản đồ số 24, diện tích 4412,9 m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, địa chỉ ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, do ông Thạch K đứng tên quyền sử dụng đất. Bà S và ông K hứa đến ngày 23/6/2020 sẽ trả cho chị H số tiền trên nhưng không trả, sau đó bà S có bỏ địa phương đi đâu một thời gian mới về.

Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S và ông K phải trả số tiền bằng 2.750.000.000 (hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Chị H tự nguyện trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nhận thế chấp nêu trên cho bà S.

- *Theo lời khai của bị đơn bà Kim Thị S trình bày*:

Vào năm 2018, vợ chồng bà S có vay của chị Võ Thị Ngọc H số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng bằng 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng), từ khi vay đến tháng 6/2020 bà S đã trả số tiền lãi bằng 648.000.000 đồng.

Khi vay tiền thì bà S có ghi vào sổ tay theo dõi của chị H quản lý, đối với biên nhận do chị H nộp thì bà S không thừa nhận chữ ký, chữ viết, số tiền đó là do chị H tính lãi để cộng vào vốn gốc hay nhưng thế nào thì bà S không rõ.

Nay bà S chỉ thừa nhận có nợ chị H số tiền vốn bằng 300.000.000 đồng và đồng ý trả cho chị H số tiền này. Ngoài ra, bà S yêu cầu chị H trả lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp khi vay tiền, do chị H không có quyền nhận thế chấp khi cho vay.

- *Bị đơn ông Thạch K có đơn xin xét xử vắng mặt, trong quá trình tham gia tố tụng ông K trình bày:*

Ông thống nhất với ý kiến trình bày của vợ ông là bà S. Ông không có giao dịch việc vay nợ với chị H nhưng nay ông cũng đồng ý cùng với bà S trả cho chị H số tiền vay vốn còn nợ bằng 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 01/3/2023 của Tòa án nhân

dân huyện Tiểu Cần đã xử:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228 và 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc H.

Buộc bà Kim Thị S và ông Thạch K có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị Ngọc H số tiền vay vốn còn nợ bằng 2.750.000.000 đồng (*Hai tỷ, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Võ Thị Ngọc H với bà Kim Thị S, buộc chị H phải trả cho bà S và ông K 03 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 349, tờ bản đồ số 22, diện tích 92 m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, thửa 58, tờ bản đồ số 54, diện tích 1265,4 m^2, loại đất ở 300 m^2 và đất trồng cây lâu năm 965,4 m^2, địa chỉ ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, do bà Kim Thị S đứng tên quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 772, tờ bản đồ số 24, diện tích 4412,9 m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, địa chỉ ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, do ông Thạch K đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 05/QĐ-BPKCTT ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/3/2023 bà Kim Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán Chủ tọa phiên toà, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự và người tham gia tố tụng khác: Tại phiên Tòa hôm nay đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng qui định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Bà S không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà chỉ có vay 300.000.000 đồng nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Kim Thị S không đồng ý trả cho bà Võ Thị Ngọc H số tiền 2.750.000.000 đồng.

Bà S cho rằng vào năm 2018, vợ chồng bà có vay của bà Võ Thị Ngọc H số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng bằng 27.000.000 đồng. Bà đóng lãi từ khi vay đến tháng 6/2020 bằng 648.000.000 đồng. Bà S không cung cấp chứng cứ.

Bà H cho rằng vợ chồng ông Thạch K và bà Kim Thị S vay tiền của bà nhiều lần đến ngày 14/11/2019 cộng lại bằng 2.550.000.000, bà S có viết một biên nhận cho bà giữ. Đến ngày 21/6/2020, bà S tiếp tục vay thêm 200.000.000 đồng bà S có viết và ký tên vào sổ theo dõi của bà. Bà S không thừa nhận chữ viết và ký tên trong biên nhận ngày 14/11/2019 và giấy theo dõi vay tiền của bà H cung cấp.

[2] Theo Kết luận số 205/KL-KTHS ngày 22/4/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận chữ viết mang tên Kim Thị S trên hai biên nhận ngày 14/11/2019 và ngày 21/6/2020 so với chữ ký mẫu của Kim Thị S trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra. Bà S không đồng ý kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật công an tỉnh T; bà yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giám định lại. Theo Kết luận giám định số: 3663/KL-KTHS ngày 23/9/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, viết mẫu so sánh đứng tên Kim Thị S là do cùng một người viết ra.

Từ đó có cơ sở khẳng định bà Kim Thị S có vay của bà Võ Thị Ngọc H bằng 2.750.000 đồng.

Bà S cho rằng vay tiền sử dụng chung gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Thạch K chồng bà Kim Thị S cùng có trách nhiệm trả nợ là đúng quy định Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên bà S phải chịu toàn bộ án phí và chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

Từ các chứng cứ nêu trên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Kim Thị S giữ nguyên bản án sơ thẩm

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với các tình tiết chứng cứ của vụ án nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: yêu cầu kháng cáo của bà S không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Kim Thị S

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số số 29/2023/DS-ST ngày 01/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

Tuyên xử:

1. Buộc bà Kim Thị S và ông Thạch K có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Ngọc H số tiền vay vốn còn nợ bằng 2.750.000.000 đồng (*Hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 47.250.000đ (*Bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003093, ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

Buộc bà Kim Thị S và ông Thạch K phải chịu 43.500.000đ (*Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí giám định:

Buộc bà Kim Thị S phải chịu 7.411.980đ (Bảy triệu bốn trăm mười một nghìn chín trăm tám mươi đồng) lệ phí giám định nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giám định mà bà S đã nộp; bà S còn phải chịu số tiền 4.411.980đ (*Bốn triệu bốn trăm mười một nghìn chín trăm tám mươi đồng*) để trả cho bà Võ Thị Ngọc H (do bà H đã nộp tạm ứng và chi xong).

3. Án phí phúc thẩm: Bà Kim Thị S phải chịu 300.000đ (*Ba trăn nghìn đồng*) án phí. Bà S đã nộp 300.000đ (*Ba trăn nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014968 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần nên được cấn trừ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung